TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 105/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12/3/2019 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/5/2019 và Quyết Định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐ.DS ngày 22/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1987, (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1987, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/2/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Lê Thanh T có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hỏi năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 03/10/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình nghĩa vụ chồng rạng nứt, khó hàn gắn, từ đó bà và ông T ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/9/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Bảo T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng C xác định, tài sản chung bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Thanh T được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hòa giải nhưng ông T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C. Ông T cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà Nguyễn Thị Hồng C, có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Lê Thanh T cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/10/2011 (số 152/2011) nên quan hệ hôn nhân của bà Chi và ông T được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà Chi cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, dẫn đến bất đồng quan điểm nên ly thân. Ông T được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà Chi yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông T không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa bà Chi xác định không còn tình cảm với ông T và cương quyết ly hôn. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng C đối với ông Lê Thanh T.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà Chi yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 15/9/2012 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về việc nuôi con ông T không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà Chi hiện đang nuôi cháu Bảo Trân khỏe mạnh và phát triển bình thường cháu Trân có nguyện vọng sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu Lê Nguyễn Bảo T cho bà Nguyễn Thị Hồng C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng C xác định bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Lê Thanh T.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C đối với ông Lê Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng C được quyền trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/9/2012. Ông Lê Thanh T không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004154 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Lộc Giang
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài